

DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI, SỔ BÁO DANH DỰ THI - VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số....39../TB-HĐTD ngày ..23/9/2024 của HĐTD viên chức quận Hoàng Mai)

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	04	1	VC1914	Đặng Thị Vân Anh	10/11/1981	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa	CD	Nhà trẻ mẫu giáo	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CBB	
8	04	2	VC1915	Lã Thị Mai Anh	22/11/1995	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	3	VC1916	Lê Thị Lan Anh	3/12/1997	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	4	VC1917	Nguyễn Trịnh Phương Anh	15/7/1999	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	5	VC1918	Phạm Văn Anh	8/12/1999	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	6	VC1919	Phùng Thị Quỳnh Anh	17/10/1999	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	7	VC1920	Vũ Thị Lan Anh	04/10/1984	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	8	VC1921	Bùi Thị Lệ Ánh	28/11/1989	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	04	9	VC1922	Lê Ngọc Ánh	01/5/2002	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	10	VC1923	Nguyễn Minh Ánh	25/11/2000	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	11	VC1924	Nguyễn Thị Minh Ánh	12/10/2001	Nữ	Hồng Minh, Phú Xuyên	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	12	VC1925	Lê Thị Bính	21/4/1986	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	13	VC1926	Nguyễn Hà Chi	11/4/1999	Nữ	Xuân Dương, Thanh Oai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	14	VC1927	Từ Thị Kim Chi	29/7/2002	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	04	15	VC1928	Trần Thị Việt Chinh	02/10/1993	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	16	VC1929	Vũ Thị Việt Chinh	07/3/1995	Nữ	Tri Thủy, Phú Xuyên	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	04	17	VC1930	Vũ Thị Dịu	24/5/1990	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	18	VC1931	Bùi Thị Thanh Dung	19/6/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	04	19	VC1932	Hoàng Thị Thùy Dung	20/8/1993	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	20	VC1933	Lê Thị Thuỳ Dung	03/02/1985	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CTB	
8	04	21	VC1934	Nguyễn Thị Ánh Dương	15/5/1995	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	22	VC1935	Nguyễn Thị Giang	02/02/1982	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CTB	
8	04	23	VC1936	Lưu Ngọc Hà	13/9/1994	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	24	VC1937	Nguyễn Thanh Hà	10/6/1990	Nữ	Độc Tín, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	04	25	VC1938	Phạm Thị Minh Hà	10/8/1994	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	1	VC1939	Phạm Thị Thu Hà	31/12/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	2	VC1940	Phùng Thị Hà	15/8/1990	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	3	VC1941	Nguyễn Thị Thu Hải	29/9/1993	Nữ	Liên Bảo, Vụ Bản	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	4	VC1942	Dương Thị Hạnh	08/9/2000	Nữ	Khuông Mai, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	5	VC1943	Hoàng Thị Hạnh	15/2/1995	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	DTTS	

Handwritten marks: A signature and the number "10" are visible at the bottom right of the page.

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	05	6	VC1944	Lê Thị Hạnh	14/5/1990	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	7	VC1945	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13/7/1996	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	8	VC1946	Trương Thị Hạnh	26/5/1995	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	9	VC1947	Nguyễn Thị Hào	11/10/1998	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	10	VC1948	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/01/2000	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	11	VC1949	Trần Thị Thu Hằng	10/8/1999	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	12	VC1950	Phạm Thị Hậu	16/3/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		
8	05	13	VC1951	Phùng Thị Hải Hậu	26/01/2002	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	14	VC1952	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1990	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	15	VC1953	Trần Thị Thu Hiền	04/8/2001	Nữ	Tri Thủy, Phú Xuyên	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	05	16	VC1954	Vũ Thị Thu Hiền	17/12/1996	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	17	VC1955	Nguyễn Thị Thanh Hoa	14/01/2003	Nữ	Chu Phan, Mê Linh	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	18	VC1956	Đặng Thị Hoài	02/9/2000	Nữ	Tam Thanh, Vụ Bản	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	19	VC1957	Phạm Thị Hồng	7/6/2003	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	20	VC1958	Vũ Thị Thu Hồng	15/12/1995	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	21	VC1959	Nguyễn Thị Huế	04/5/1991	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa sữa		

ĐS

ll

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	05	22	VC1960	Trịnh Thị Huệ	24/12/1994	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	23	VC1961	Nguyễn Ngọc Huyền	30/6/1999	Nữ	Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	05	24	VC1962	Bùi Thị Thanh Huyền	10/5/2003	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	05	25	VC1963	Nguyễn Ngọc Huyền	23/5/2000	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	06	1	VC1964	Nguyễn Ngọc Huyền	11/10/1997	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	2	VC1965	Nguyễn Thị Huyền	12/03/1997	Nữ	Ba Trại, Ba Vì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	06	3	VC1966	Nguyễn Thị Kim Huyền	23/10/1993	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	06	4	VC1967	Nguyễn Thị Hương	20/6/1989	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	5	VC1968	Phạm Thị Thanh Hương	28/6/1980	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	CĐ	Nhà trẻ mẫu giáo	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		
8	06	6	VC1969	Nguyễn Thị Hường	22/02/1996	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	7	VC1970	Nghiêm Thị Lan	23/4/2000	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	8	VC1971	Nguyễn Thuý Lan	24/2/2002	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	9	VC1972	Nguyễn Thị Liên	20/02/1998	Nữ	Duyên Hải, TP Lào Cai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	10	VC1973	Cần Thị Huyền Linh	23/6/1997	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	11	VC1974	Dương Thùy Linh	14/02/1995	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	12	VC1975	Đinh Thị Mỹ Linh	18/10/2000	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		

10 10

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	06	13	VC1976	Đỗ Diệu Linh	26/7/1995	Nữ	Phúc La, Hà Đông	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	14	VC1977	Nguyễn Thùy Linh	26/7/2000	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	15	VC1978	Nguyễn Thùy Linh	18/01/2002	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	16	VC1979	Phạm Thảo Linh	19/6/2001	Nữ	Cầm Yên, Thạch Thất	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	17	VC1980	Trần Tú Linh	27/01/1995	Nữ	Thường Tín, Thường Tín	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	18	VC1981	Vũ Thị Hải Linh	14/11/1991	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	19	VC1982	Nguyễn Thị Loan	04/4/1987	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	20	VC1983	Nguyễn Thị Lung	5/8/1996	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	21	VC1984	Lê Thị Luyến	02/7/1985	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động	CTB	
8	06	22	VC1985	Nguyễn Thị Lương	25/01/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	23	VC1986	Nguyễn Thị Thanh Lương	07/12/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	24	VC1987	Phạm Hiền Lương	12/4/2000	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	06	25	VC1988	Lê Ngọc Mai	16/6/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	1	VC1989	Nguyễn Thị Mai	27/01/1988	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	2	VC1990	Lê Thị Mậu	10/5/1995	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	3	VC1991	Nguyễn Thị Minh	03/8/1986	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	07	4	VC1992	Hoàng Thị Thùy Ninh	29/7/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	5	VC1993	Ngô Thị Nụ	08/6/2000	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	6	VC1994	Hoàng Thị Thanh Nga	05/01/1983	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	07	7	VC1995	Lê Thị Thúy Nga	28/9/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	8	VC1996	Nghiêm Thị Linh Nga	06/03/2000	Nữ	Vân Hà, Đông Anh	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	07	9	VC1997	Nguyễn Thị Thúy Ngà	20/12/1987	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	10	VC1998	Nguyễn Thị Thúy Ngân	23/02/1987	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	11	VC1999	Đào Thị Nguyệt	03/5/2003	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	12	VC2000	Lê Thanh Nhài	20/12/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	07	13	VC2001	Cao Thị Nhân	02/9/1994	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	14	VC2002	Nguyễn Lan Nhi	20/9/1998	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	15	VC2003	Nguyễn Hồng Nhung	16/9/2000	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	07	16	VC2004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/12/1997	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	17	VC2005	Trần Thu Phương	09/11/1999	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	CD	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	18	VC2006	Ngô Thị Phụng	7/10/1986	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	07	19	VC2007	Nguyễn Thị Phụng	26/4/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		

MT

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	07	20	VC2008	Nguyễn Thị Lệ Quyên	10/11/1991	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	07	21	VC2009	Nguyễn Thị Quỳnh	27/02/2002	Nữ	Minh Châu, Ba Vì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	22	VC2010	Nguyễn Thị Quỳnh	29/3/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	23	VC2011	Nguyễn Thúy Quỳnh	12/12/2001	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	24	VC2012	Vũ Thị Quỳnh	15/11/1990	Nữ	Hoa Sơn, Lập Thạch	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	07	25	VC2013	Lê Minh Tâm	4/3/2002	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	08	1	VC2014	Trương Tuyên Tuyền	19/10/1998	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	08	2	VC2015	Lê Thị Ánh Tuyết	28/9/1997	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	3	VC2016	Nguyễn Phương Thanh	17/4/2001	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	4	VC2017	Nguyễn Thị Thảo	20/5/1997	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	5	VC2018	Nguyễn Mạnh Thoa	16/7/1996	Nữ	Khuong Đình, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		
8	08	6	VC2019	Chu Thị Thu	07/4/1994	Nữ	Vật Lại, Ba Vì	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	7	VC2020	Hoàng Thị Thu	13/8/1987	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động	DTTS	
8	08	8	VC2021	Nguyễn Kim Thu	01/4/1990	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	9	VC2022	Nguyễn Thị Thu	21/12/1992	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	10	VC2023	Nguyễn Thị Thu	17/10/2002	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		

(Handwritten signatures and marks)

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	08	11	VC2024	Nguyễn Thị Thu	26/5/1979	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục mầm non; SP Tiếng Anh	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		MNN
8	08	12	VC2025	Tạ Thị Thương Thùy	10/3/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	13	VC2026	Bùi Thị Thùy	09/09/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	14	VC2027	Bùi Thị Thùy	3/9/1999	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	15	VC2028	Đào Thu Thùy	15/10/2003	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	16	VC2029	Đặng Phương Thùy	19/01/2001	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	17	VC2030	Phạm Thị Dương Thùy	02/8/2003	Nữ	Hồng Hưng, Gia Lộc	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		
8	08	18	VC2031	Lê Thị Thúy	19/01/1990	Nữ	Văn Phú, Thường Tín	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	19	VC2032	Trần Thị Thúy	15/01/1996	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	20	VC2033	Mai Thị Thương	25/7/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	21	VC2034	Quách Thị Thương	07/4/1994	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	DTTS	
8	08	22	VC2035	Liễu Thị Thường	9/9/1988	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	DTTS	
8	08	23	VC2036	Trần Hương Trà	02/12/2002	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	24	VC2037	Dương Minh Trang	5/9/1983	Nữ	Phương Liên, Đống Đa	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	25	VC2038	Đặng Thu Trang	14/7/1986	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	26	VC2039	Lục Thị Trang	02/10/1990	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		

ĐS 10

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	08	27	VC2040	Nguyễn Thị Trang	10/11/1986	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	28	VC2041	Nguyễn Thị Trang	15/01/1992	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	29	VC2042	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/8/1993	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	30	VC2043	Nguyễn Thu Trang	11/6/2000	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	31	VC2044	Nguyễn Thu Trang	02/11/2002	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	32	VC2045	Trần Ngọc Đoan Trang	02/5/1998	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	33	VC2046	Đặng Tuyết Trinh	10/10/1998	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non - Tiếng Anh	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		MNN
8	08	34	VC2047	Nguyễn Thị Vần	06/5/1995	Nữ	Minh Sơn, Hữu Lũng	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	35	VC2048	Chánh Thị Xanh	14/12/1988	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động	DTTS	
8	08	36	VC2049	Đinh Thị Hồng Xuân	15/4/1999	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	37	VC2050	Phùng Thị Hải Yến	07/11/1999	Nữ	Phú Phương, Ba Vì	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	08	38	VC2051	Lê Hoàng Yến	3/9/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	09	1	VC2052	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/10/1985	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Thư viện - Thông tin	NV	Thư viện	TH Hoàng Mai		
8	09	2	VC2053	Nguyễn Thị Như Huyền	25/02/1987	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	Thông tin - Thư viện	NV	Thư viện	TH Thúy Lĩnh		
8	09	3	VC2054	Dương Thị Liễu	12/5/1986	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm	CĐ	Thư viện - Thông tin	NV	Thư viện	TH Hoàng Mai		
8	09	4	VC2055	Lê Huyền Mi	28/7/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Quản trị nhân lực + CCTV	NV	Thư viện	TH Hoàng Mai		

Đ

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	09	5	VC2056	Nguyễn Đức Anh	29/11/2001	Nam	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	TC	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		
8	09	6	VC2057	Đinh Thị Dung	10/7/1979	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	TC	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	Thư viện	THCS Lĩnh Nam		
8	09	7	VC2058	Đỗ Thị Duyên	03/8/1984	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Quản trị văn phòng + CCTV	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		
8	09	8	VC2059	Lê Thị Hải	11/11/1991	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	TC	Thư viện - thiết bị trường học	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		
8	09	9	VC2060	Phạm Thị Hợp	10/01/1996	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	Kế toán + CCTV	NV	Thư viện	THCS Lĩnh Nam		
8	09	10	VC2061	Phạm Thị Huế	03/01/1992	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức	CD	SP Vật lí + CCTV	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		
8	09	11	VC2062	Bùi Thị Anh Thư	05/8/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	ĐH	SP Ngữ văn, CCTT-TV	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		
8	09	12	VC2063	Cao Trần Thiên Trang	10/02/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	CD	Điều dưỡng + CCVTLT	NV	Văn thư	MN Mai Động		
8	09	13	VC2064	Nguyễn Thị Trang	23/6/1990	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	TC	Văn thư lưu trữ	NV	Văn thư	MN Sơn Ca		
8	09	14	VC2065	Vũ Thị Ngọc Anh	06/7/2002	Nữ	Hải Dương	ĐH	Luật + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Định Công		
8	09	15	VC2066	Nguyễn Thị Bích	17/02/1984	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên	TC	Hành chính văn thư	NV	Văn thư	TH Giáp Bát		
8	09	16	VC2067	Nguyễn Thị Hồng Liên	16/11/1991	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	Quản lý nhà nước + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Thúy Lĩnh		
8	09	17	VC2068	Nguyễn Tuyết Mai	24/10/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Lưu trữ học	NV	Văn thư	TH Thúy Lĩnh		
8	09	18	VC2069	Phùng Thị Ninh	10/01/1990	Nữ	Thái Nguyên	ĐH, TC	Kế toán; Văn thư - Lưu trữ	NV	Văn thư	TH Thúy Lĩnh		
8	09	19	VC2070	Phương Hồng Nhung	25/7/2000	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Báo chí + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Giáp Bát		
8	09	20	VC2071	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	24/02/1992	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	TC	Văn thư - Lưu trữ	NV	Văn thư	TH Giáp Bát		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
8	09	21	VC2072	Ngô Thị Tâm	28/12/1981	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân	ĐH	Lưu trữ học và quản trị văn phòng + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Định Công		
8	09	22	VC2073	Nguyễn Văn Tiến	09/02/1989	Nam	Tân Triều, Thanh Trì	TC	Hành chính văn thư	NV	Văn thư	TH Định Công		
8	09	23	VC2074	Trần Phương Thảo	18/7/1982	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	ĐH	Kế toán + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Định Công		
8	09	24	VC2075	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/7/1993	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình	CD	Văn thư hành chính	NV	Văn thư	THCS Hoàng Liệt		
8	09	25	VC2076	Hoàng Gia Thuần	03/10/1999	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐH	SP Ngữ văn + CCVTLT	NV	Văn thư	THCS Hoàng Liệt		

Tổng danh sách 163 thí sinh (từ SBD: VC1914 đến VC2076)

DT *le*